

Số: /TTr-UBND

Cao Bằng, ngày tháng năm 2021

**TỜ TRÌNH**

**Về việc thông qua Nghị quyết về Đề án phát triển giao thông nông thôn  
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung  
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội phê  
duyet chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội  
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 864/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của Ủy ban  
Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã  
thuộc tỉnh Cao Bằng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 29/4/2021 của Hội đồng nhân  
dân tỉnh Cao Bằng về việc thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai  
đoạn 2021-2025 tỉnh Cao Bằng;*

*Căn cứ Quyết định số 1509/QĐ-BGTVT ngày 08/7/2011 của Bộ Giao thông  
vận tải phê duyệt Chiến lược phát triển giao thông nông thôn Việt Nam đến năm  
2020, tầm nhìn đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ Giao  
thông vận tải về việc ban hành Hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao  
thông nông thôn phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn  
mới giai đoạn 2010-2020.*

Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng kính trình kỳ họp thứ 2, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII thông qua Nghị quyết về Đề án phát triển giao thông nông thôn (GTNT) trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025 với các nội dung chủ yếu như sau:

## I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Mạng lưới GTNT của tỉnh Cao Bằng mặc dù đã được đầu tư khá lớn nhưng hầu như chưa đồng bộ, cấp hạng kỹ thuật và chất lượng thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2020-2025 đã đưa ra mục tiêu phát triển GTNT trong giai đoạn này là *“đến hết năm 2025, phấn đấu 85% chiều dài các tuyến đường huyện, đường xã được nhựa hóa/bê tông hóa mặt đường, 100% xã có đường đến trung tâm xã được nhựa hóa/bê tông hóa”, “xây dựng kết nối giao thông liên hoàn giữa các huyện của Cao Bằng và địa phương các tỉnh giáp ranh (Lạng Sơn, Bắc Kạn, Hà Giang)”*, do đó, việc tiếp tục xây dựng Nghị quyết về Đề án phát triển GTNT trong giai đoạn 2021-2025 là rất cần thiết, tạo điều kiện phát triển nông thôn bền vững, thúc đẩy giao lưu buôn bán và học tập của người dân ở nông thôn.

## II. QUAN ĐIỂM, NỘI DUNG CỦA NGHỊ QUYẾT

### 1. Quan điểm:

- Cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; các Chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Phát triển GTNT phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển GTVT trên địa bàn tỉnh, phù hợp với 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, gồm:

(1) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030.

(2) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

(3) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

Đồng thời, phát triển GTNT một cách bền vững, tạo sự gắn kết, liên hoàn thông suốt từ mạng lưới giao thông quốc gia đến đường tỉnh, đường huyện, đường xã, thôn xóm.

- Phát động phong trào phát triển GTNT rộng rãi, đều khắp trong toàn tỉnh; làm cơ sở cho UBND các huyện, thành phố, xã, phường, thôn, tổ dân phố chỉ đạo thực hiện các mục tiêu phát triển GTNT; đầu tư cải tạo, nâng cấp kết hợp xây dựng mới mạng lưới GTNT đồng bộ với hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

- Phát huy nội lực, có cơ chế chính sách phù hợp để huy động các nguồn lực xã hội đầu tư để bê tông hóa đường thôn, ngõ xóm trên các địa phương với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, đáp ứng nguyện vọng và nhu cầu sinh hoạt đi lại của nhân dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh quốc phòng của các địa phương.

### 2. Nội dung

Xây dựng nội dung Nghị quyết như sau:

### 1. Mục tiêu:

a. Đường huyện: Xây dựng các tuyến đường huyện đạt cấp VI MN (hoặc GTNT cấp A), nhựa hoá hoặc cứng hóa mặt đường đến trung tâm xã, đảm bảo đi lại được 4 mùa; Phần đầu ít nhất 85% chiều dài các tuyến đường huyện được nhựa hóa/bê tông hóa mặt đường;

b. Đường xã: Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường xã tối thiểu đạt cấp A, cấp B GTNT; Phần đầu ít nhất 85% chiều dài các tuyến đường xã được nhựa hóa/bê tông hóa mặt đường, 100% xã có đường đến trung tâm xã được nhựa hóa/bê tông hóa;

c. Đường thôn, xóm: Phần đầu ít nhất 85% đường ngõ xóm được cứng hóa; 100% đường ngõ xóm sạch, không bị trơn trượt, lầy lội vào mùa mưa;

d. Đường nội đồng: Cơ bản có đủ các tuyến đường nội đồng, đảm bảo các phương tiện thô sơ, xe tải nhẹ, máy móc cơ giới phục vụ sản xuất nông nghiệp đi lại được thuận tiện;

e. Cầu dân sinh: Xây dựng cầu dân sinh theo các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh;

g. Đảm bảo 100% số Km đường GTNT đã được đầu tư hoàn chỉnh, đạt cấp kỹ thuật theo quy định phải được tổ chức quản lý, bảo trì để duy trì tốt nhất khả năng khai thác của tuyến đường.

### 2. Nhiệm vụ:

a. Đường huyện: Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp khoảng 200 Km nền, mặt đường đạt cấp V miền núi; hoàn thành thêm 200Km mặt đường láng nhựa; 150Km mặt đường BTXM;

b. Đường xã: Láng nhựa 200Km và BTXM 400 Km mặt đường.

c. Đường thôn, xóm, nội đồng: Xây dựng thêm 1000Km mặt đường BTXM;

d. Xây dựng cầu dân sinh theo các chương trình mục tiêu quốc gia, khoảng 50 cái /800 m dài (cầu treo, cầu bản, cầu tràn, đường tràn...).

e. Đảm bảo 100% số km đường giao thông nông thôn đã được đầu tư hoàn chỉnh phải được tổ chức bảo trì theo quy định để duy trì tốt nhất khả năng khai thác của tuyến đường.

### 3. Vốn đầu tư và cơ chế huy động vốn

a. Nhu cầu vốn: khoảng 3.439,270 tỷ đồng

\* Vốn đầu tư: khoảng 3.330 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách: khoảng 3.130 tỷ.

- Các nguồn vốn khác: khoảng 200 tỷ.

\* Vốn bảo trì: khoảng 139,270 tỷ.

- Đường huyện: khoảng 117,325 tỷ.
- Đường xã, thôn, xóm: khoảng 21,945 tỷ.

b. Cơ chế huy động vốn: Vốn ngân sách nhà nước, vốn lồng ghép từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, vốn ngân sách địa phương, vốn ODA, vốn đóng góp của doanh nghiệp, vốn đóng góp của nhân dân, nguồn huy động từ cộng đồng, đóng góp tự nguyện và các nguồn vốn hợp pháp khác.

#### 4. Cơ chế thực hiện

- Cơ chế quản lý: Thực hiện theo cơ chế quản lý của các chương trình mục tiêu quốc gia và quản lý công trình quy mô nhỏ, kỹ thuật đơn giản và các quy định hiện hành của nhà nước;

- Cơ chế huy động nguồn lực: Huy động nguồn lực từ các các doanh nghiệp, tổ chức và nhân dân trên địa bàn;

- Cơ chế sử dụng vật liệu đối với các công trình giao thông nông thôn:

- + UBND tỉnh được vay trước xi măng của các nhà máy sản xuất để hỗ trợ các địa phương làm đường BTXM và bố trí trả nợ từng năm theo hợp đồng vay và khả năng cân đối ngân sách;

- + Vật liệu xây dựng (đá, cát, sỏi) được ưu tiên sử dụng tại chỗ thông qua việc đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Những công trình không có đá, cát sỏi tại chỗ thì mua tại các mỏ gần nhất.

Trên đây là Tờ trình về việc thông qua dự thảo Nghị quyết về Đề án phát triển GTNT trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình kỳ họp thứ 2 Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVII xem xét, quyết định./.

*(Gửi kèm theo Tờ trình này là Dự thảo Nghị quyết thông qua Đề án phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025).*

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- LDVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HGT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**